

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH LƯU  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/6/2025  
V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nghệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hùng và bà Đỗ Thị Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 92/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1993. Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã Q (thôn E, xã Q cũ), huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật của chị T: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q (thôn E, xã Q cũ), huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị T: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960; Nơi cư trú: K, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn F, xã Q (thôn E, xã Q cũ), huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật của anh M: Bà Hồ Thị L, địa chỉ: Thôn F, xã Q (thôn E, xã Q cũ), huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh M: Bà Vũ Thị H1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh N – Chi nhánh số 1. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T, người đại diện của chị T, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần Văn M có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã Q), huyện Q, tỉnh Nghệ An và được hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Việc lấy nhau do hai bên gia đình gán ghép, nhưng chị tự nguyện ký vào giấy đăng ký kết hôn và về chung sống với anh M. Sau khi cưới được khoảng 20 ngày thì chỉ bỏ về mẹ đẻ ở cho đến nay, thời gian đây anh M có hỏi han, gia đình anh M có gọi chị về nhưng chị không nhất trí. Thời gian sau thì anh M và gia đình không hỏi han gì nữa. Nguyên nhân chị T bỏ về là do anh M bị bệnh tâm thần, sau khi cưới anh M bắt chị ngủ dưới đất, đánh đập chị T. Chị T thấy tình cảm của chị với anh M không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh M nữa nên chị đề nghị Tòa án cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn M. Về con chung: Chị và anh M không có con chung. Về tài sản: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Văn M nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/4/2025 người đại diện theo pháp luật của anh Trần Văn M là bà Hồ Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Trần Văn M. Anh M đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu; bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu. Anh M hiện đang đi điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh N từ tháng 02/2025 đến nay. Anh M bị nhiều bệnh, không có khả năng nhận thức được, thường đi lang thang khắp nơi. Anh M và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã Q), huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 01/11/2016. Việc kết hôn giữa anh M và chị T là do hai bên gia đình gán ghép. Sau khi kết hôn anh M và chị T chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn đến đầu năm 2017 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ, không về chung sống với anh M nữa. Giữa chị T và anh M không có mâu thuẫn gì, nguyên nhân chị T bỏ về là do anh M không làm ăn kinh tế được, mọi sinh hoạt phải phụ thuộc vào người khác. Hiện anh M nhận thức không bình thường, không thể lao động, làm việc được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, gia đình cũng đồng ý. Anh M và chị T không có con chung, không ai có con nuôi, con riêng. Anh M và chị T không có tài sản gì. Bà Hồ Thị L có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh M bà Vũ Thị H1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Văn M. Anh M và chị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Hiện anh M thường xuyên bỏ đi, gia đình phải thường xuyên đi tìm nên không có mặt tại Tòa án để xét xử vụ án.

*Kết quả xác minh tại UBND xã Q cho biết:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1993 và anh Trần Văn M, sinh năm 1993 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã Q), huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 02/11/2016 theo số 34/2016. Việc kết hôn đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn M và chị Lê Thị T đang được hưởng chế độ bảo trợ xã hội đối với đối tượng người khuyết tật nặng. Tại thời điểm xác minh anh M và chị T chưa bị Tòa án tuyên bố hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Quá trình chung sống anh M và chị T chưa có con chung. Giữa anh M và chị T có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được vì không ai yêu cầu hòa giải cơ sở. Cùng nơi cư trú với chị Lê Thị T tại thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An hiện nay có mẹ đẻ là bà Vũ Thị H, sinh năm 1962 và em trai là Lê Đăng H2, sinh năm 1995. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M địa phương không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Đề nghị xử:

Về tình cảm: Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Văn M.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn M. Anh M có nơi thường trú tại thôn F, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Vũ Thị H1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn M. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn M.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp Sổ lĩnh tiền hàng tháng của chị Lê Thị T và anh Trần Văn M, anh M và chị T đang được hưởng chế độ bảo trợ xã hội đối với người bị khuyết tật nặng. Tuy nhiên từ trước đến nay anh M và chị T chưa được cơ quan có thẩm quyền nào tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Trần Văn M và chị Lê Thị T bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho đương sự, Tòa án đưa bà Vũ Thị H là mẹ đẻ của chị T tham gia với tư cách là người đại diện hợp pháp, bà Hồ Thị L là mẹ đẻ của anh M tham gia với tư cách là người đại diện hợp pháp là phù hợp với quy định tại Điều 136 BLDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Trần Văn M là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh M và chị T chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự. Hội đồng xét xử nhận thấy việc kết hôn giữa chị T và anh M đảm bảo tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa hợp, anh M thường xuyên bỏ nhà đi, vợ chồng chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn. Quá trình giải quyết vụ án, chị T kiên quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Văn M.

[2.2]. Về con chung: Anh M và chị T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3] Về án phí: Chị T có đơn xin miễn án phí do thuộc đối tượng là người khuyết tật. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị T là phù hợp.

*Bởi các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 136 BLDS 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Văn M.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản: Chị Lê Thị T và anh Trần Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lê Thị T.
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị T, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Trần Văn M, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Quỳnh Sơn (nay là xã Quỳnh Hoa cũ, ĐKKH 2016);
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nghệ**